

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2018/HSST**
Ngày 26-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Chúng

Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hứa Thoại Khương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú; Tòa án đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thị Đ, sinh năm 1970; Cư trú tại: Ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang; nghề nghiệp: kế toán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Thanh T, sinh năm: 1932 (chết) và bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1937; chồng Nguyễn Thiện H, sinh năm: 1967; Có 02 con sinh năm 1990 và 1997; Nhân thân: Lúc nhỏ sống chung với gia đình, đi học đến lớp 12. Năm 1989 được tuyển dụng vào công tác tại Trường tiểu học B Khánh An, được phân công nhiệm vụ làm kết toán cho đến nay, tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Thị Tuyết Nhung, sinh năm 1984; có mặt

Cư trú: ấp Tân Thạnh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, An Giang.

- 2. Phạm Hữu Phần**, sinh năm 1969; có mặt
 - 3. Nguyễn Thị Sành**, sinh năm 1965; có mặt
 - 4. Võ Phát Tài**, sinh năm 1982; vắng mặt
 - 5. Huỳnh Trung Tính**, sinh năm 1955; vắng mặt
 - 6. Trần Thị Kim Ngân**, sinh năm 1958; vắng mặt
- Cùng cư trú: ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang.
- 7. Huỳnh Hữu Bá**, sinh năm 1964; vắng mặt
- Cư trú: ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, An Giang.
- 8. Lê Thị Thúy Linh**, sinh năm 1991; vắng mặt
- Cư trú: ấp Long Bình, xã Long Điền, huyện Chợ Mới, An Giang.
- 9. Ngô Châu Hồng Thử Lam**, sinh năm 1987; vắng mặt
- Cư trú: ấp Bình Phú 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, An Giang.
- 10. Đoàn Bình Lâm**, sinh năm 1977; có đơn xin vắng mặt
- Cư trú: ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, An Giang.
- 11. Nguyễn Thanh Huy**, sinh năm 1973; có đơn xin vắng mặt
 - 12. Đặng Nguyễn Thị Bảo Trân**, sinh năm 1974; có đơn xin vắng mặt
- Cùng cư trú: ấp An Thịnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, An Giang.
- 13. Lê Thị Thuyền Huyền**, sinh năm 1970; có đơn xin vắng mặt
- Cư trú: Kế toán trưởng Kho bạc nhà nước huyện An Phú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú nhận được Công văn số 104 ngày 13/02/2017, của Ủy ban nhân dân huyện An Phú về việc kiến nghị khởi tố đối với Lê Thị Đ có hành vi chiếm dụng tiền ngân sách của Trường tiểu học “B” Khánh An.

Năm 1990, Lê Thị Đ được tuyển dụng và công tác tại Trường tiểu học “B” Khánh An và được phân công nhiệm vụ làm kế toán. Nhiệm vụ lập bảng lương, lập dự toán thu chi ngân sách hàng năm, kê khai tài sản thu nhập cá nhân, báo cáo tài

chính, quyết toán và báo cáo kinh phí theo quy định và thực hiện một số công việc đột xuất khác theo sự phân công của lãnh đạo nhà trường.

Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2013 đến tháng 02/2016, Lê Thị Đợi được chức trách, nhiệm vụ được giao đã lập danh sách kê không trên bảng lương, phụ cấp của các giáo viên đã được điều động đến Trường khác làm công tác quản lý, giảng dạy và nghỉ hưu để chiếm đoạt số tiền 104.920.284 đồng của ngân sách Nhà nước và lập chứng từ rút tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm hiểm cao hơn quy định để chiếm đoạt số tiền 192.008.252 đồng. Cụ thể như sau:

Đối với tiền kê không trên bảng lương, phụ cấp từ tháng 7/2013 đến tháng 2/2016:

Ngày 08/5/2013, 19/6/2013, 01/7/2013, ông Phạm Hữu Phần, Huỳnh Hữu Bá, Lê Thị Tuyết Nhung có quyết định điều động đến Trường Tiểu học “B” Long Bình. Do Trường B Long Bình chưa được cấp ngân sách hoạt động nên Trường Tiểu học “B” Khánh An tiếp tục chi lương cho ông Phần, ông Bá, bà Nhung đến hết tháng 6/2013. Ông Phần, ông Bá và bà Nhung nhận tiền lương và phụ cấp khác tại Trường Tiểu học B Long Bình kể từ ngày 01/7/2013. Nhưng Đợi kê không những người này vào bảng thanh toán tiền lương và giấy rút dự toán ngân sách tháng 7, 8/2013. Sau khi rút tiền về đơn vị chi cho giáo viên, nhân viên của Trường. Quá trình chi còn tồn những giáo viên kê không nhưng thủ quỹ không biết, nên Đợi yêu cầu thủ quỹ giao lại chứng từ chi và tiền mặt để Đợi trực tiếp chi cho những giáo viên này, sau khi nhận tiền và bảng thanh toán tiền lương thì Đợi ký không chiếm đoạt số tiền 33.403.440 đồng của ngân sách Nhà nước (kê không ông Phạm Hữu Phần số tiền 13.693.680 đồng, Huỳnh Hữu Bá số tiền 14.333.760 đồng và Lê Thị Tuyết Nhung số tiền 5.370.000 đồng).

Ngày 10/6/2015 Lê Thị Thùy Linh có quyết định điều động đến phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và Ngô Châu Hồng Thể Lam có quyết định điều động đến phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Bà Linh, bà Lam nhận tiền lương và phụ cấp do đơn vị mới chi trả kể từ ngày 01/7/2015. Ông Huỳnh Trung Tính nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH kể từ ngày 01/9/2015. Nhưng Đợi tiếp tục kê không những người này vào danh sách cán bộ quản lý, giáo viên được tiếp tục hưởng phụ cấp, trợ cấp theo Nghị định số 61/2006, Nghị định 116/2010 chiếm đoạt số tiền 71.516.844 đồng của ngân sách Nhà nước (từ tháng 7/2015 đến tháng 12/2015, kê không Lê Thị Thùy Linh số tiền 18.595.500 đồng, Ngô Châu Hồng Thể Lam số tiền 18.595.500 đồng và từ tháng 9/2015 đến tháng 12/2015, kê không Huỳnh Trung Tính số tiền 34.325.844 đồng).

Đối với tiền bảo hiểm xã hội: Từ tháng 01/2013 đến tháng 06/2014, sau khi thủ quỹ đã trích thu tiền bảo hiểm của giáo viên, nhân viên nhà trường trên bảng thanh toán tiền lương (phần cá nhân buộc phải đóng) với tổng số tiền 241.138.877

đồng, giao cho Đ đi nộp cho Cơ quan Bảo hiểm nhưng Đ chỉ nộp 49.130.625 đồng cho Cơ quan Bảo hiểm, còn lại 192.008.252 đồng giữ lại tiêu xài cá nhân. Để có tiền trả cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện, thì Đ lập 16 giấy rút dự toán ngân sách rút số tiền cao hơn số tiền thực tế mà Nhà nước hỗ trợ,

Theo thông báo của bảo hiểm huyện An Phú thì Trường B Khánh An từ tháng 01/2013 đến tháng 6/2014 phải nộp bảo hiểm số tiền 768.345.083 đồng. Trong đó: Ngân sách hỗ trợ là 525.700.617 đồng, cá nhân nộp là 242.644.466 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian trên Trường B Khánh An thực nộp 984.532.585 đồng. Trong đó: Ngân sách hỗ trợ là 935.401.923 đồng, cá nhân nộp là 49.130.625 đồng.

Như vậy, từ tháng 01/2013 đến tháng 6/2014, Trường Tiểu học B Khánh An đã rút dự toán ngân sách chuyển khoản đóng bảo hiểm (phần ngân sách hỗ trợ cho người lao động) dư số tiền 409.701.307 đồng. Trong đó, chuyển khoản đóng bù phần cá nhân mà bà Đ chiếm đoạt trên bảng lương là 192.008.252 đồng và trả nợ năm 2012 mang sang.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-AP ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang truy tố bị cáo Lê Thị Đ về tội “ Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353, của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đ khai nhận nội dung như bản cáo trạng vừa công bố.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị Đ, mức án từ 2 năm đến 03 năm tù, về tội “Tham ô tài sản”.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý tịch thu số tiền nộp khắc phục của bị cáo để sung quỹ nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đề nghị cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công việc kế toán, công tác tài chính từ 02 năm đến 03 năm. Đề nghị kiểm điểm các cá nhân có liên quan đến sai phạm.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Đ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo trở về lo cho gia đình và cố gắng để lo tiền nộp khắc phục,

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo, trong thời gian công tác cũng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và đã khắc phục xong hậu quả của hành vi do bị cáo gây ra,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và ý kiến trong hồ sơ. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng đã tự nguyện nộp lại một phần tiền khắc phục hậu quả.

[4] Trong thời gian qua Đảng và Nhà nước ta quyết tâm đẩy lùi tệ nạn tham nhũng trong các cơ quan tổ chức Nhà nước đặc biệt là các vụ án tham nhũng về kinh tế đã và đang được đưa ra xét xử trên phạm vi cả nước. Trên địa bàn huyện An Phú nói riêng trong thời gian qua đã xảy ra nhiều vụ án mà các bị cáo là những cán bộ, công chức, viên chức đã lợi dụng sự thiếu kiểm tra trong công tác chi tiền lương, thu, nộp tiền bảo hiểm xã hội rồi từ đó chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân, làm ảnh hưởng đến uy tín, gây mất đoàn kết nội bộ và lòng tin của quần chúng nhân dân.

[5] Nhận định về tội danh:

Bị cáo Lê Thị Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ việc kê khống và chiếm đoạt tiền ngân sách nộp bảo hiểm xã hội là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn được phân công là kế toán để thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt nhiều lần, số tiền chiếm đoạt 296.928.536 đồng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã lợi

dụng sự tin tưởng của Hiệu trưởng kê khống bảng lương để chiếm đoạt tiền ngân sách cấp cho trường, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội tham ô tài sản theo cáo trạng tuy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, do đó cần có hình phạt phù hợp với hành vi và tính chất phạm tội của bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhìn nhận hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo chưa tiền án tiền sự, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, gia đình có người thân công với cách mạng, bản thân cũng có nhiều thành tích và được nhà trường cũng như phòng giáo dục khen thưởng, quá trình công tác cống hiến nhiều cho sự nghiệp giáo dục, mới phạm tội lần đầu, hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết trên và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Căn cứ khoản 4, Điều 4 Luật phòng, chống tham nhũng 2005 và sửa đổi bổ sung năm 2007, năm 2012 có quy định “Người có hành vi tham nhũng đã chủ động khai báo trước khi bị phát hiện, tích cực hạn chế thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra, *tự giác nộp lại tài sản tham nhũng thì có thể được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật, giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật*”.

[8] Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ cho rằng cáo trạng truy tố bị cáo Lê Thị Đ phạm tội “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng phạm tội nhiều lần, số tiền chiếm đoạt 296.928.536 đồng nên bị cáo bị truy tố với 02 tình tiết định khung tăng nặng tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[9] Từ những nhận định như trên và xem xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy Viện kiểm sát đề nghị mức án từ 02 năm đến 03 năm tù đối với Lê Thị Đ là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[10] Xử lý các cá nhân có liên quan đến sai phạm:

Đối với bà Nguyễn Thị Sành; ông Võ Phát Tài, bà Trần Thị Kim Ngân; bà Lê Thị Tuyết Nhung; Nguyễn Thanh Huy. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét kiểm điểm nghiêm túc các cá nhân có liên quan đến sai phạm của bị cáo Đ để kịp thời chấn chỉnh và nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ trong thời gian tới

[10] Về xử lý tiền tham ô nộp khắc phục:

Số tiền 105.164.203 đồng theo biên lai thu tiền số 007155 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú chuyển nộp vào Ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt còn lại là 191.764.333 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2; khoản 5 Điều 353; Điều 38; Điều 46; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 106; Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4, Điều 4 Luật phòng, chống tham nhũng 2005 và sửa đổi bổ sung năm 2007, năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Đ phạm tội “Tham ô tài sản”

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lê Thị Đ 02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo Lê Thị Đ đảm nhiệm chức vụ, công tác liên quan đến công tác kế toán thời hạn là 03 năm, sau khi chấp hành xong hình phạt.

Về các vấn đề khác:

Số tiền 105.164.203 đồng theo biên lai thu tiền số 007172 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú chuyển nộp vào Ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt còn lại là 191.764.333 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Buộc bị cáo Lê Thị Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Thị Đ phải chịu 9.588.216 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm; riêng đối với người có quyền lợi liên quan vắng mặt, thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phong Phi